

Bản án số: 74/2023/HSST

Ngày: 09/06/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Sơn Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. bà Nguyễn Thị Bích T
2. bà Bùi Thị Hòa B

Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Mai – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Cẩm Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 06 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 50/2023/HSST ngày 29/03/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2023/QĐXXST- HS ngày 24/05/2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức Th, giới tính: Nam; sinh năm: 1979 tại tỉnh D; nơi thường trú: thôn A, xã B, huyện C, tỉnh D; Nơi ở hiện tại: 69DA, tổ B, khu phố C, phường D, quận E, thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 03/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông: Nguyễn D và bà Mai Thị G. Vợ: Mai Thị D1 sinh năm 1982; Có 02 con, trẻ lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: không

Tạm giam từ 01/11/2021. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Nguyễn Thị T1; sinh ngày 20/02/1988;

HHộ khẩu thường trú: thôn A, xã B, thị xã C, tỉnh D (vắng mặt).

Người giám hộ: (vắng mặt)

1/ Bà Trần Thị G1 là mẹ ruột của bị hại

2/ Ông Nguyễn D2 là cha ruột của bị hại

Địa chỉ: thôn A, xã B, huyện C, tỉnh D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Con trai của bị hại: Nguyễn T2 sinh năm 2004

Hộ khẩu thường trú: thôn A, xã B, thị xã C, tỉnh D (vắng mặt).

2. Bà Phan Thị D3 (vắng mặt)

Địa chỉ: số A, khu phố B, phường C, TP. D, TP.HCM.

3. Nguyễn Thị T3 (vắng mặt)

Địa chỉ: 23/54 đường A, phường B, quận C, TP.HCM.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại Nguyễn Thị T1:

Ông Lê Doãn T4 – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Lê Doãn T4 và cộng sự, đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 10/2003, Nguyễn Đức Th và Nguyễn Thị T1 (sinh ngày 20/02/1988) có thuê nhà sống chung như vợ chồng tại địa chỉ số 23/54 đường A, phường B, quận C do bà Nguyễn Thị T3 làm chủ (có vào sổ và đăng ký tạm trú theo đúng quy định). Trong quá trình sống chung tại đây thì Th và T1 có quan hệ tình dục với nhau nhiều lần. Đến đầu tháng 12/2003, do sợ mọi người biết chuyện cả hai sống chung như vợ chồng nên Th đã trả nhà và tiếp tục đưa T1 đến thuê nhà sống chung tại nhà không sổ, khu phố A, phường B, quận C (nay là thành phố C) do bà Phan Thị D3 làm chủ. Quá trình chung sống khi phát hiện T1 có thai, Th đã yêu cầu T1 phá bỏ nhưng T1 không đồng ý. Tháng 5/2004, Th yêu cầu T1 về quê nhà tại tỉnh A sống và sinh con, còn Th ở lại thành phố Hồ Chí Minh làm thuê và gửi tiền về quê cho T1 nuôi con. Ngày 02/8/2004, T1 sinh con và đặt tên là Nguyễn T2. Do từ khi T1 về quê thì Th đã lần tránh trách nhiệm, không về thăm T1 và không chu cấp cho T1 tiền nuôi con. Khi gia đình T1 đến gặp cha mẹ Th để giải quyết thì gia đình Th không chấp nhận mối quan hệ giữa Th và T1 nên Nguyễn Thị T1 làm đơn tố cáo Th.

Quá trình điều tra, ngày 07/10/2005, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh đã khởi tố vụ án và ra lệnh bắt tạm giam đối với Nguyễn Đức Th về tội “Giao cấu với trẻ em” (nay được quy định thành tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”) nhưng Th bỏ trốn nên ngày 10/12/2005, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh đã ra Quyết định truy nã đối với Nguyễn Đức Th.

Ngày 01/11/2021, Nguyễn Đức Th bị Công an phường Thạnh Xuân, Quận 12 bắt theo Quyết định truy nã và chuyển Công an quận Bình Thạnh xử lý theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Đức Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Ngày 04/11/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh đã ra Quyết định ủy thác, đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế phối hợp thu mẫu tóc và máu của Nguyễn T2 phục vụ công tác giám định ADN với Nguyễn Đức Th để xác định quan hệ huyết thống. Tuy nhiên, hiện tại Nguyễn Thị T1 và Nguyễn T2 đã cắt đứt liên lạc với gia đình, vẫn còn HKTT tại Huế nhưng không khai báo nơi cư trú mới, đã lập gia đình mới nên không thể thu thập được.

Vật chứng gồm:

- 01 cuốn sổ đăng ký khách nghỉ trọ bìa màu hồng.

Trách nhiệm dân sự: Gia đình bị hại Nguyễn Thị T1 đã có đơn bãi nại vào ngày 14/4/2023 xác nhận đã nhận được số tiền 5.000.000 đồng hỗ trợ một phần tổn thất từ gia đình bị cáo nên xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu dân sự khác.

Tại bản Cáo trạng số: 113/CT-VKSBBTh ngày 06/09/2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức Th về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”, quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 145 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, sau khi luận tội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đề nghị áp dụng điểm a, khoản 2 Điều 145, điểm b, s khoản 1, Điều 51, Điều 38 của Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Th từ 03 năm tù đến 04 năm tù.

Về vật chứng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại, ông Lê Doãn T4: nhất trí với Vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo. Luật sư đánh giá cao sự thành khẩn trong việc khai báo trong suốt quá trình diễn biến tại phiên tòa hôm nay và sự thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại Tòa. Phiên tòa hôm nay là bài học đắt giá cho bị cáo, để bị cáo phải nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật mà khắc phục, sửa chữa, ăn năn hối cải. Đối với bị hại trong vụ án này đã không có mặt tại phiên tòa, cũng không có mặt trong quá trình điều tra kể từ khi bị cáo bị bắt do trốn truy nã. Cơ quan điều tra chỉ làm việc, lấy lời khai đối với bị hại từ rất lâu trước đó khi em tố cáo bị cáo, về Huế sinh con năm 2004. Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và với sự thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại Tòa thì bị hại Nguyễn Thị T1 sinh ngày 20/02/1988, thời điểm xảy ra vụ án là khoảng tháng 10 năm 2003. Như vậy, tại thời điểm đó bị hại mới 15 tuổi 8 tháng. Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội. Về trách nhiệm dân sự bồi thường cho bị hại trong quá trình giải quyết vụ án thì phía gia đình bị hại đã có đơn xin bãi nại và không yêu cầu bồi thường trách nhiệm dân sự nên Luật sư không có ý kiến gì thêm.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu, lời nói sau cùng của bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về hòa nhập cộng đồng làm người công dân tốt cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Bình Thạnh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi *“Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”* của Bị cáo:

[2.1] Tại cơ quan điều tra cũng như qua thẩm tra xét hỏi tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Đức Th đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu, lời khai của Bị cáo phù hợp với bản tự khai của bị cáo, bị hại, người giám hộ, xác minh của cơ quan điều tra, lời khai của chủ nhà trọ, biên bản thu giữ vật chứng cùng tất cả các chứng cứ khác có trong hồ sơ, cho thấy:

Khoảng tháng 10/2003, bị cáo và bị hại có thuê nhà sống chung như vợ chồng tại địa chỉ số 23/54 đường A, phường B, quận C do bà Nguyễn Thị T3 làm chủ. Trong quá trình sống chung tại đây thì bị cáo đã dụ dỗ bị hại quan hệ tình dục với nhau nhiều lần. Đến đầu tháng 12/2003, do sợ mọi người biết chuyện cả hai sống chung như vợ chồng nên bị cáo đã trả nhà và tiếp tục đưa bị hại đến thuê nhà sống chung tại nhà không số, khu phố A, phường B, quận C (nay là thành phố C) do bà Phan Thị D3 làm chủ. Quá trình chung sống đến tháng 3 năm 2004 thì bị hại phát hiện có thai. Tháng 5/2004, bị cáo cho bị hại 200.000 đồng và khuyên bị hại mua vé xe về quê nhà tại tỉnh A sống và sinh con, còn bị cáo ở lại thành phố Hồ Chí Minh làm thuê và sẽ gửi tiền về quê cho bị hại nuôi con. Ngày 02/8/2004, bị hại sinh con và đặt tên là Nguyễn T2. Do từ khi bị hại về quê thì bị cáo đã lẩn tránh trách nhiệm, bỏ trốn nên bị hại làm đơn tố cáo vào ngày 20/9/2004. Quá trình điều tra, ngày 07/10/2005, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh đã khởi tố vụ án và ra lệnh bắt tạm giam đối với bị cáo về tội “Giao cấu với trẻ em” (nay được quy định thành tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”) nhưng bị cáo bỏ trốn nên ngày 10/12/2005, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh đã ra Quyết định truy nã đối với bị cáo Nguyễn Đức Th. Ngày 01/11/2021, bị cáo bị Công an phường Thạnh Xuân, Quận 12 bắt tạm giam đến nay.

Trong quá trình thụ lý giải quyết hồ sơ, Tòa án đã quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung vì cần bổ sung những vấn đề sau: cần thiết tiến hành giám định ADN của trẻ Nguyễn T2, sinh ngày 02/08/2004 để đối chiếu, xác định quan hệ huyết thống với bị cáo từ đó định khung hình phạt với tình tiết làm nạn nhân có thai; cần thiết xác minh, làm rõ nơi cư trú của bị hại Nguyễn Thị T1 và trẻ Nguyễn T2 để xác định Cơ quan có thẩm quyền thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án; cần lấy lời khai đối với bị hại Nguyễn Thị T1 để làm rõ yêu cầu của bị hại về bồi thường thiệt hại, trách nhiệm dân sự của bị cáo Nguyễn Đức Th. Kết quả điều tra bổ sung của Cơ quan điều tra công an quận Bình Thạnh thì cơ quan CSĐT Công an quận Bình Thạnh đã tiến hành triệu tập bị hại nhưng không được nên đã đăng tin tìm bị hại Nguyễn Thị T1 và Nguyễn T2 trên báo Công an thành phố Hồ Chí Minh tại 03 kì liên tiếp vào các ngày 22-23-24/02/2023; do bị hại Nguyễn Thị T1 và Nguyễn T2 có hộ khẩu thường trú tại tỉnh A nhưng hiện nay không có mặt tại nơi cư trú, đương sự không khai báo nơi thực tế cư trú nên cơ quan điều tra không thể tiến hành ghi lời khai làm rõ yêu cầu dân sự đối với bị hại Nguyễn Thị T1 và không thể tiến hành giám định ADN giữa Nguyễn T2 và bị cáo Nguyễn Đức Th. Ngoài ra, căn cứ vào đơn xin bãi nại của gia đình bị hại cụ thể là bà Trần Thị G1 là mẹ ruột của bị hại trình bày: ông Nguyễn D là cha của bị cáo đã hỗ trợ cho gia đình bị hại 5.000.000 triệu đồng để khắc phục hậu quả, hiện nay gia đình của bị hại không yêu cầu khắc phục hậu quả và bồi thường dân sự nữa. Bà G1 cho biết vì bị hại đã đi làm ăn xa, không liên lạc với gia đình cha mẹ, anh chị em từ lâu, không muốn liên hệ với quá khứ do bị hại đã kết hôn và có chồng con mới, cho nên gia đình bị hại viết giấy xác nhận mong Tòa án, Viện kiểm sát xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm trở về với gia đình và làm ăn lương thiện nên Cơ quan điều tra đã hoàn tất điều tra bổ sung.

Xét tại Cơ quan điều tra và tại Tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo thể hiện tại các bút lục số 148, 150, 152, bị cáo đã khai nhận: khoảng đầu tháng 10 năm 2003, bị cáo có quen biết bị hại và cùng nhau thuê nhà sống chung tại 23/54 đường A, phường B, quận C. Tại đây, bị cáo và bị hại có quan hệ tình dục với nhau nhiều lần. Đến đầu tháng 12 năm 2003, do sợ bị phát hiện nên bị cáo và bị hại đã chuyển qua khu trọ cũ của bị cáo tại khu phố A, phường B, quận C (nay là thành phố C) để thuê trọ và tiếp tục việc sống chung như vợ chồng. Theo lời khai của bị hại, bút lục số 76 thể hiện bị hại gửi giấy chứng minh nhân dân của bị hại cho bị cáo cất giữ. Đồng thời, trong sổ thuê trọ tại số nhà 23/54 đường A, phường B, quận C, bút lục số 93, có ghi năm sinh của bị hại. Xét lời khai của chủ nhà trọ tại khu trọ cũ của bị cáo tại khu phố A, phường B, quận C (nay là thành phố C), bút lục số 81, 82 thể hiện bị cáo có đến thuê trọ nói là để ở với vợ, sau đó thấy dẫn bị hại Nguyễn Thị T1 về ở và sống chung được khoảng 01 tháng thì nghe bị hại đã có thai và không đi làm nữa. Khi bị cáo và bị hại đến thuê phòng có đưa giấy chứng minh nhân dân và giấy tạm vắng để đăng ký tạm trú tại địa phương.

Như vậy, căn cứ kết luận điều tra bổ sung của Cơ quan điều tra công an quận Bình Thạnh, Tòa nhận thấy bị hại có hộ khẩu thường trú tại tỉnh D nên có căn cứ về thẩm quyền để thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Đối với bị hại trong

vụ án này đã không có mặt tại phiên tòa mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ, cũng không có mặt trong quá trình điều tra kể từ khi bị cáo bị bắt do trốn truy nã. Cơ quan điều tra chỉ làm việc, lấy lời khai đối với bị hại từ rất lâu trước đó khi em tố cáo bị cáo, về Huế sinh con năm 2004. Cơ quan CSĐT Công an quận Bình Thạnh đã triệu tập, đã tiến hành đăng tin tìm bị hại Nguyễn Thị T1 và Nguyễn T2 trên báo Công an thành phố Hồ Chí Minh tại 03 kì liên tiếp vào các ngày 22-23-24/02/2023. Đồng thời, theo như gia đình bị hại cung cấp thì bị hại cắt đứt liên lạc không cho biết nơi ở mới, do không thể xác định được hiện nay bị hại đang ở đâu, không thể tiến hành lấy lời khai của bị hại để làm rõ yêu cầu dân sự và không thể tiến hành giám định ADN giữa Nguyễn T2 và bị cáo nên không có cơ sở để xử lý đối với tình tiết “làm nạn nhân có thai”. HĐXX dành cho bị hại quyền khởi kiện bồi thường về dân sự đối với bị cáo trong vụ án khác nếu có. Và căn cứ vào sự phù hợp của tất cả các chứng cứ như phân tích nêu trên, sự thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo, bản tự khai của bị hại, người giám hộ, chủ nhà trọ, thời điểm, địa điểm bị cáo và bị hại chung sống với nhau, thời gian bị hại sinh con... thể hiện bị cáo đã dụ dỗ bị hại giao cấu với nhau nhiều lần khi bị hại chưa đủ 16 tuổi.

[2.2]. Hội đồng xét xử nhận thấy, bị cáo là người trưởng thành, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo buộc phải biết pháp luật nghiêm trị đối với hành vi giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi. Bị cáo đã lợi dụng sự chưa trưởng thành, chín chắn của bị hại để dụ dỗ thực hiện hành vi giao cấu khi bị hại chưa đủ 16 tuổi. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, đã thực hiện hành vi giao cấu với bị hại chưa đủ 16 tuổi được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tinh thần, sức khỏe của bị hại, thuần phong mỹ tục, trật tự trị an xã hội tại địa phương.

Hành vi của bị cáo thuộc trường hợp “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”, “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội.

HĐXX xét thời điểm xảy ra hành vi phạm tội của bị cáo là khoảng tháng 10 năm 2003. Quá trình điều tra, ngày 07/10/2005, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh đã khởi tố vụ án và ra lệnh bắt tạm giam đối với Nguyễn Đức Th về tội “Giao cấu với trẻ em” (nay được quy định thành tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”) nhưng Th bỏ trốn nên ngày 10/12/2005, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh đã ra Quyết định truy nã đối với Nguyễn Đức Th. Ngày 01/11/2021, Nguyễn Đức Th bị Công an phường Thạnh Xuân, Quận 12 bắt theo Quyết định truy nã và chuyển Công an quận Bình Thạnh xử lý theo thẩm quyền. Nên điều luật và bộ luật áp dụng đối với hành vi phạm tội của bị cáo là điểm a khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009. Tuy nhiên, theo điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, theo Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 của Quốc hội thì Điều 145 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là tương tự Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa

đổi bổ sung năm 2009. Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo điểm a, khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ.

[3] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo chưa có tiền án tiền sự, nhân thân tốt, là lao động chính trong gia đình. Gia đình của bị cáo đã bồi thường một phần tổn thất cho gia đình bị hại với số tiền 5.000.000 đồng theo đơn xác nhận của mẹ ruột bị hại. Nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt dành cho bị cáo.

[4] *Về trách nhiệm dân sự:*

Gia đình bị hại Nguyễn Thị T1 đã có đơn bãi nại vào ngày 14/4/2023 xác nhận đã nhận được số tiền 5.000.000 đồng hỗ trợ một phần tổn thất từ gia đình bị cáo nên xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu dân sự khác.

[5] *Về vật chứng:*

Tiếp tục lưu hồ sơ 01 cuốn sổ đăng ký khách nghỉ trọ bìa màu hồng được đánh số bút lục từ số 94 đến số 134.

[6] *Về án phí:* Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức Th phạm tội: “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 145; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Th 03 (Ba) năm tù;

Thời hạn tù tính từ ngày 01/11/2021

2/ Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tiếp tục lưu hồ sơ 01 cuốn sổ đăng ký khách nghỉ trọ bìa màu hồng được đánh số bút lục từ số 94 đến số 134.

3/ Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người giám hộ của bị hại, người bào chữa, người có

quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND q.Bình Thạnh;
- Nhà tạm giữ - CA quận Bình Thạnh;
- Chi cục THA quận Bình Thạnh;
- Thi hành án hình sự;
- PC.27 Công an Tp.HCM;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu VP - HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sơn Thủy